TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SA PA-TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 05-7-2024
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SA PA-TỈNH LÀO CAI

- Th phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Huấn và ông Chảo Láo Lủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Hải Lanh-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa tham gia phiên tòa: Ông Lã Chúc Cương-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, về việc*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hà Minh Q, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Tổ 20, phường K, Th phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ma Ngọc Mạnh L, sinh năm 19xx. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 01, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Ông Sùng A Th.

Địa chỉ: Thôn Ý, xã H, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 1986, ông Hà Minh Q khai phá diện tích đất khoảng 2,5ha tại xóm 2, thị trấn S, huyện S (Nay là tổ 02, phường S, thị xã S), tỉnh Lào Cai. Năm 1992, gia đình ông Hà Minh Q làm thủ tục xin cấp đất và được Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa ban hành Quyết định cấp đất làm vườn rừng số: 22 với diện tích đất 2,5ha mang tên ông Hà Minh Q. Trong đó, đất trồng cây gây rừng là 0,5 ha; đất trồng cây ăn quả là 1,0 ha; đất nương định canh là 1,0 ha. Sau khi được cấp đất gia đình trồng cây theo phương thức nông, lâm kết hợp thâm canh trồng cây ăn quả, trồng xen cây Thông Sa Mộc, cây Trẩu và Tống Cuốn Sủi. Đến năm 2004, các loại cây lâu năm khép tán phủ kín đất, nên gia đình không trồng cây hàng năm nhưng vẫn tiếp tục chăm sóc cây và quản lý vườn rừng.

Đến đầu năm 2018, một số hộ gia đình người HMông tranh chấp chặt phá cây và lấn chiếm đất để trồng cây Ngô, trong đó có gia đình ông Sùng A Th lấn chiếm diện tích đất là 1.375,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Sa Pa, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sa Pa, Ban quản lý khu du lịch sinh thái Hàm Rồng, Ủy ban nhân dân xã Lao Chải, Ủy ban nhân dân thị trấn Sa Pa, Ủy ban nhân dân xã San Sả Hồ xác định diện tích đất vườn rừng của gia đình ông Hà Minh Q có 10 hộ dân lấn chiếm để trồng cây Ngô là các hộ gia đình ông Thào A Ch, Sùng A Ch, Vàng A D, Sùng A L, Thào A S, Sùng A S, Sùng A Th, Sùng A V, Sùng A C, Vàng A L. Từ năm 2020 đến năm 2021, các hộ dân tiếp tục chặt phá rừng, nên ông Hà Minh Q nhiều lần gửi đơn trình báo kèm theo ảnh hiện trạng rừng đến Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa, Công an phường Sa Pa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa tiến hành làm việc với hộ gia đình ông Hà Minh Q, để thống nhất biện pháp trồng lại rừng trên diện tích đất đã được cấp làm vườn rừng đã bị các các hộ dân khác khai thác, chặt phá. Đến ngày 19 tháng 3 năm 2021, gia đình ông Hà Minh Q nhận 5000 cây Thông Sa Mộc của Hạt Kiểm lâm thị xã Sa Pa để trồng lại trên diện tích đất vườn rừng đã bị chặt phá. Đến ngày 20 tháng 3 năm 2021, gia đình ông Hà Minh Q thuê người đưa cây đến trồng thì bị một số người dân tộc HMông đến ngăn cản, uy hiếp không cho trồng cây và nhổ hết số cây đã trồng. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa giải quyết: Buộc ông Sùng A Th trả lại diện tích đất là 1.375,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc quyền sử dụng đất. Ngày 05 tháng 7 năm 2024, ông Hà Minh Q có đơn xin rút yêu cầu về việc buộc ông Sùng A Th phải trả diện tích đất 30m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và rút yêu cầu về việc buộc ông Sùng A Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất diện tích đất là 1.375,7m^2.

Bị đơn ông Sùng A Th trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để lấy lời khai ý kiến của ông Sùng A Th nhưng ông Sùng A Th không đến, không hợp tác trong việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với đất tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đề nghị Tòa án căn cứ sơ đồ đo đạc do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sa Pa đã đo đạc, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai duyệt, chuyển tọa độ xuống thực địa, kết quả xác định diện tích đất tranh chấp là 1.345,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và trên đất có cây Ngô trồng trên đất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sa Pa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành quy định pháp luật.

Về nội dung quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xét xử buộc ông Sùng A Th trả lại diện tích đất là 1.345,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Minh Q về việc, buộc ông Sùng A Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc ông Hà Minh Q thực hiện quyền sử dụng đất diện tích đất là 1.375,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Minh Q về việc, buộc ông Sùng A Th phải trả diện tích đất 30m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất là 1.345,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật đất đai và khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án và quan hệ giải quyết là "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Năm 1986, ông Hà Minh Q khai phá diện tích đất là 2,5ha, có địa chỉ tổ 02, phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Đến ngày 25 tháng 5 năm 1992, Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa ban hành Quyết định cấp đất làm vườn rừng số: 22 đối với diện tích đất 2,5ha cho ông Hà Minh Q. Ông Hà Minh Q cung cấp người làm chứng, giấy cấp đất chứng minh đất được cấp nêu trên giáp đất liền kề của các hộ ông Nguyễn Tự D, ông Giàng Xuân Ch những hộ dân này cũng được Nhà Nước giao đất trong cùng thời gian năm 1992 và những người làm chứng ông Nguyễn Minh S, ông Đỗ Tràng Ch, ông Nguyễn Tiến S có đất liền kề xác nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Sùng A Th đến viết bản tự khai, lấy lời khai, cung cấp tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình, nhưng ông Sùng A Th không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Tại văn bản số: 455/TNMT-QLĐT ngày 19 tháng 9 năm 2022 của phòng tài nguyên và môi trường thị xã Sa Pa, xác định sổ quản lý vườn rừng theo Quyết định cấp đất vườn rừng số 22 năm 1992 cho ông Hà Minh Q; Sổ quản lý vườn rừng theo Quyết định cấp đất vườn rừng số 22 năm 1992 cho ông Nguyễn Tự D; Sổ quản lý vườn rừng theo Quyết định cấp đất vườn rừng số 24 năm 1992 cho ông Giàng Xuân Ch thì thấy tại sơ đồ vườn rừng của các Quyết định cấp đất cho ông Nguyễn Tự D và ông Giàng Xuân Ch, thửa đất của ông Hà Minh Q giáp với đất của ông Giàng Xuân Ch. Tại thực địa, thửa đất đang tranh chấp hiện nay giữa ông Hà Minh Q với các hộ gia đình các ông Sùng A Ch, Sùng A C, Vàng A D, Sùng A L, Vàng A L, Sùng A S, Vàng A D, Sùng A Th, Vàng A V có giáp ranh với đất của ông Giàng Xuân Ch và ông Nguyễn Tự D là đúng. Như vậy, diện tích đất là 1.345,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường

S, thị xã S, tỉnh Lào Cai nằm trong diện tích đất 2,5ha-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai phù hợp với lời khai của những người làm chứng do nguyên đơn ông Hà Minh Q cung cấp.

Theo công văn số: 16/CV-BQLHR ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Ban quản lý khu du lịch sinh thái Hàm Rồng, xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp nằm trong phần diện tích đất 64,55ha chưa giải phóng mặt bằng theo kết luận Thanh tra số: 01/KL-TT ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Thanh tra tỉnh Lào Cai và không nằm trong phạm vi đất mà Ban quản lý khu di lịch sinh thái Hàm Rồng quản lý được giao quản lý.

Tại công văn số: 1802/UBND-TNMT ngày 7 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa, về việc cung cấp thông tin xác định diện tích đất 1.345,7m^2 nằm trong diện tích đất 20.652,9m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai do Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tiến hành xem xét thẩm định đo đạc ngày 23 tháng 02 năm 2024.

Từ những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định ông Hà Minh Q cung được tài liệu chứng cứ, chứng minh diện tích đất tranh chấp 1.345,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai nằm trong diện tích đất theo Quyết định cấp đất làm vườn rừng số: 22 đối với diện tích đất là 2,5ha do Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa cấp ngày 25 tháng 5 năm 1992 mang tên ông Hà Minh Q và phù hợp với những người làm chứng. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp nêu trên được Nhà nước giao cho ông Hà Minh Q quản lý sử dụng. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Hà Minh Q, buộc ông Sùng A Th thu hoạch cây Ngô trả lại diện tích đất là 1.345,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Ông Hà Minh Q có đơn rút yêu cầu khởi kiện, về việc buộc ông Sùng A Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, đối với việc ông Hà Minh Q thực hiện quyền sử dụng diện tích đất là 1.375,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai và ông Hà Minh Q rút yêu cầu về việc, buộc ông Sùng A Th phải trả diện tích đất 30m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Nên đình chỉ yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Minh Q.

Buộc ông Sùng A Th thu hoạch cây Ngô trả cho ông Hà Minh Q diện tích đất là 1.345,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Diện tích đất có tứ cận phía Bắc và phía Đông giáp đất ông Thào A S tranh chấp đất với ông Hà Minh Q; Phía Tây giáp đất ông Sùng A L tranh chấp đất với ông Hà Minh Q; Phía Nam giáp

đất ông Sùng A V tranh chấp đất với ông Hà Minh Q. Diện tích đất được xác định các điểm tọa độ theo sơ đồ đất tranh chấp như sau: **1.** X(m) 2471040.00 - Y(m) 407462.00; **2.** X(m) 2471031.00 - Y(m) 407468.00; **3.** X(m) 2471025.00 - Y(m) 407469.00; **4.** X(m) 2471022.00 - Y(m) 407477.00; **5.** X(m) 2471014.00 - Y(m) 407485.00; **6.** X(m) 2470997.00 - Y(m) 407473.00; **7.** X(m) 2470978.98 - Y(m) 407467.31; **9.** X(m) 2470978.46 - Y(m) 407460.00**; 10.** X(m) 2470982.60 - Y(m) 407455.48; **11.** X(m) 2470982.82 - Y(m) 407447.64; **12.** X(m) 2470986.74 - Y(m) 407445.36; **13.** X(m) 2470990.39 - Y(m) 407444.58; **14.** X(m) 2470995.45 - Y(m) 407445.28; **15.** X(m) 2471002.81 - Y(m) 407447.42; **16.** X(m) 2471007.98 - Y(m) 407449.77; **17.** X(m) 2471016.91 - Y(m) 407453.22; **18.** X(m) 2471020.63 - Y(m) 407454.96; **19.** X(m) 2471022.46 - Y(m) 407456.32; **20.** X(m) 2471024.65 - Y(m) 407454.91; **21.** X(m) 2471032.03 - Y(m) 407452.99; **22.** X(m) 2471035.99 - Y(m) 407457.57.

Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Minh Q về việc, buộc ông Sùng A Th phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc ông Hà Minh Q thực hiện quyền sử dụng đối với diện tích đất là 1.375,7m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Đình chỉ yêu cầu của ông Hà Minh Q về việc buộc ông Sùng A Th phải trả diện tích đất 30m^2-Địa chỉ tổ 02, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định; Sơ đồ xem xét thẩm định đất tranh chấp; Sơ đồ của phòng tài nguyên và môi trường thị xã Sa Pa cung cấp).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải hoàn trả phải thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Hà Minh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Hà Minh Q tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001535 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sa Pa .

Ông Sùng A Th phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Hà Minh Q phải chịu chị phí xem xét thẩm định số tiền là 93.000 đồng (Chín mươi ba nghìn đồng).

Ông Sùng A Th phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng), nhưng do ông Hà Minh Q đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 9.393.000 đồng (Chín triệu ba trăm chín mươi ba nghìn đồng). Như vậy, ông Sùng A Th phải hoàn trả cho ông Hà Minh Q số tiền là 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TX;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSTX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà